

BAO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
STATEMENT OF CHANGE IN NET ASSET VALUE AND TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 30 tháng 3 đến ngày 5 tháng 4 năm 2016/From 30 Mar 2016 to 5 Apr 2016

Tên Công ty quản lý quỹ:
Management Fund Company
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Techcom Capital Management Company Limited
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ đầu tư Trái Phiếu Techcom
Techcom Bond Fund
Ngày 6 tháng 4 năm 2016
6-Apr-16

| STT No | Nội dung Item | Mã số Code | Kỳ báo cáo ngày 05 tháng 04 năm 2016 For the period ended 05 Apr 2016 | Kỳ báo cáo ngày 29 tháng 03 năm 2016 For the period ended 29 Mar 2016 |
|------------|---|-------------|--|--|
| I | I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ <i>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</i> | 4060 | 63,651,181,825 | 63,702,563,456 |
| II | II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó <i>Change of NAV during the period (= II.1 + II.2)</i> Trong đó: <i>Of which:</i> | 4061 | 124,384,218 | (56,292,462) |
| II.1 | II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i> | 4062 | 124,384,218 | (56,292,462) |
| II.2 | II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i> | 4063 | - | - |
| III | III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 – III.2) <i>Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate</i> | 4064 | 87,019,359 | 4,910,831 |
| III.1 | III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i> | 4065 | 92,120,000 | 65,000,000 |
| III.2 | III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i> | 4066 | 5,100,641 | 60,089,169 |
| IV | IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III) <i>NAV at the end of period (= I + II + III)</i> | 4067 | 63,862,585,402 | 63,651,181,825 |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Đặng Lưu Dũng
Giám đốc